

Biểu mẫu số I

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND phường Phổ Văn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2026	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/6/2025	Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/9/2025	Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 31/12/2025		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	9.292	9.292	9.292	9.292	34.035	
1	Vốn đầu tư từ NSNN	9.292	9.292	9.292	9.292	34.035	
	<i>Trong đó:</i>						
a)	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	9.292	9.292	9.292	9.292	34.035	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	9.292	9.292	9.292	9.292	34.035	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						
-	Xổ số kiến thiết						
-	Bội chi ngân sách địa phương						
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương</i>						
b)	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>						
-	Vốn trong nước						
-	Vốn nước ngoài						
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật						

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND phường Phổ Văn)

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2025										KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu kế hoạch năm 2026					Chi chủ
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/6/2025		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/9/2025		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 31/12/2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				Luỹ kế đã bố trí vốn đến hết Kế hoạch năm 2025												
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
																						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:							
																							Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
8	Tuyến đường THCS Phố Vân đi Xóm Mới Đồng Quang		C	Phường Phố Vân (cũ)		2025	Số 177/QĐ-UBND ngày 23/04/2025	1100	1100	1095	1095	1095	1095	1095	1095	1095	1095	1095	1095				1095	1095										
9	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Gò Bà Tân thôn Hội An 1 xã Phố An		C	Xã Phố An (cũ)		2025	Số 109/QĐ-UBND ngày 14/04/2025	1000	1000	987	987	987	987	987	987	987	987	987	987				987	987										
10	KCH tuyến kênh xứ đồng Bà Hà Bến Chính, thôn An Thổ, xã Phố An (giai đoạn 1)		C	Xã Phố An (cũ)		2025	Số 101/QĐ-UBND ngày 09/04/2025	875	875	864	864	864	864	864	864	864	864	864	864				864	864										
11	KCH kênh mương Hội An 2 đi Sông Thoá (giai đoạn 2)		C	Xã Phố An (cũ)		2025	Số19/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	709	709	688	688	688	688	688	688	688	688	688	688				688	688										
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025																																	
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2026							34.035	34.035	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34.035	34.035	0	0	1.425	
c	Dự án nhóm C									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34.035	34.035	0	0	1.425		
1	Tuyến vùng 5 đi Liên Chiêu (GD 2)		C	Phường Trà Cầu		2026		1.200	1.200																			1.200	1.200				100	
2	Tuyến QL 1A đi Cầu Rộc Hội		C	Phường Trà Cầu		2026		1.300	1.300																			1.300	1.300				100	
3	Tuyến đường Thạch Trụ – Phố An (đoạn từ Km2+505 đến Km2+833): Đầu tư xây dựng mương thoát nước dọc bên phải tuyến đường, chiều dài mương 328m.		C	Phường Trà Cầu		2026		1.085	1.085																			1.085	1.085				100	
4	Tuyến đường bê tông từ nhà ông Võ Thành đến nhà bà hương vùng 3, TDP Hải Tân		C	Phường Trà Cầu		2026		2.000	2.000																			2.000	2.000				150	
5	Tuyến kênh ngò Nguyễn Chi Linh-Hoàng Tăng (GD 2) Văn Trường		C	Phường Trà Cầu		2026		1.250	1.250																			1.250	1.250				120	
6	KCH tuyến kênh xứ đồng Bàu Mỹ, TDP An Thạch.		C	Phường Trà Cầu		2026		1.000	1.000																			1.000	1.000				100	
7	Kênh N10+1 đi Đình Tế		C	Phường Trà Cầu		2026		2.200	2.200																			2.200	2.200				105	
8	Kênh gò ông Chính đội 3 TDP Phần Thất		C	Phường Trà Cầu		2026		1.000	1.000																			1.000	1.000				100	
9	Trường Tiểu học Phố Vân; Hạng mục: 04 phòng bộ môn, nhà đa năng		C	Phường Trà Cầu		2026		10.000	10.000																			10.000	10.000				200	
10	Trường Tiểu học Phố Quang; Hạng mục: 04 phòng bộ môn		C	Phường Trà Cầu		2026		4.000	4.000																			4.000	4.000				150	
11	Hệ thống Đài truyền thanh thông minh		C	Phường Trà Cầu		2026		3.000	3.000																			3.000	3.000				100	

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2025								KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025								Nhu cầu kế hoạch năm 2026				Chi chủ				
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/6/2025		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 30/9/2025		Ước giải ngân từ 1/1/2025 đến 31/12/2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				Lũy kế đã bố trí vốn đến hết Kế hoạch năm 2025											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
																						Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
																							Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư			Tổng số		Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
12	Sửa chữa Hội trường UBND phường Trà Cầu		C	Phường Trà Cầu		2026		6.000	6.000																			6.000	6.000			100	